

Bản án số: 104/2024/DS-ST  
Ngày 30-9-2024  
V/v tranh chấp  
hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Hồng Ánh;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Hoàng Minh Tân;
- Ông Bùi Văn Huỳnh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Ông Võ Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26, 27 và 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 198/2023/TLST-DS ngày 21-8-2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 317/2024/QĐXXST-DS ngày 12-8-2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị O, sinh năm 1968; địa chỉ: Xóm V, thôn A, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1939; địa chỉ: Xóm V, thôn A, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Lâm T, sinh năm 1963; có mặt

3.2. Ông Nguyễn Xuân C, sinh năm 1978; vắng mặt.

3.3. Ông Nguyễn Xuân C1, sinh năm 1980; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Xóm V, thôn A, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

3.4. Bà Nguyễn Thị Hồng C2, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn P, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

1. *Tại Đơn khởi kiện ngày 03-7-2023, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 04-8-2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Thị O trình bày:*

Bà (Võ Thị O) và ông Lâm T là hàng xóm với ông Nguyễn Văn K, bà Phạm Thị D, có mối quan hệ thân thiết.

Vào các ngày 04-10, 12-10, 16-10 và 16-11-2019, ông K, bà D có đến nhà của bà mượn của 04 lần tiền tổng cộng 170.000.000 đồng, cụ thể:

- Lần thứ 1: Ngày 04-10-2019, bà D mượn 50.000.000 đồng, viết vào sổ tay giấy kê ngang của bà "Cô D nhận của O, 4-10-2019 số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu chẵn)".

- Lần thứ 2: Ngày 12-10-2019, bà D mượn 30.000.000 đồng, viết vào sổ tay giấy kê ngang của bà "Nay ngày 12-10 mượn thêm 30.000.000 (Ba mươi triệu chẵn)".

- Lần thứ 3: Ngày 16-10-2019, bà D mượn 70.000.000 đồng, viết vào sổ tay giấy kê ngang của bà "Ngày 16-10, cô lấy thêm 70.000.000 (Bảy mươi triệu chẵn)".

- Lần thứ 4: Ngày 16-11-2019, bà D mượn 30.000.000 đồng, viết vào sổ tay giấy kê ngang của bà "D lấy thêm 20.000.000 (Hai mươi triệu chẵn)" và kèm theo dòng chữ viết của ông Nguyễn Văn K: "Nguyễn Văn K cùng vợ tôi mượn số của cháu T1 một trăm bảy mươi triệu đồng và ký tên K".

Khi vay tiền, hai bên không hẹn thời hạn trả, lãi suất thỏa thuận miệng (không lập thành văn bản) 1,5%/tháng; mục đích vay tiền là để cho con trai kinh doanh. Sau khi vay, bà D có trả cho bà 750.000 đồng tiền lãi của khoản vay 50.000.000 đồng đầu tiên, sau đó không trả lãi, cũng không trả gốc. Ngày 09-01-2022 (Nhằm ngày 07-12 năm T), bà D chết. Sau khi bà D chết, bà đã nhiều lần đến nhà của bà D, ông K, yêu cầu ông K trả toàn bộ số tiền 170.000.000 đồng, ông K lại hứa chờ bán đất trả nợ nhưng đến nay ông K vẫn không thực hiện. Ngày 03-6-2023, bà gửi thông báo đòi nợ đến ông K, yêu cầu ông K thực hiện nghĩa vụ trả nợ 170.000.000 đồng trong thời hạn 30 ngày, hết thời hạn ông K vẫn không trả nợ.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông K và những người thừa kế của bà D (gồm các ông, bà C, C1, H) có nghĩa vụ trả cho bà và ông T số tiền gốc là 170.000.000 đồng.

2. *Bị đơn ông Nguyễn Văn K đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa; không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

3. *Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng C2 trình bày:*

Bà là con của ông K, bà D (đã chết), em của ông Nguyễn Xuân C, Nguyễn Xuân C1; là hàng xóm của bà Võ Thị O, ông Lâm T.

Bà không biết việc ba, mẹ (bà D, ông K) có vay tiền của bà O, ông T2; không biết việc trả gốc và lãi vay như thế nào. Bà D chết năm 2021, bà chưa được hưởng tài sản gì của mẹ để lại nên không có trách nhiệm trả nợ, cũng không có điều kiện để trả nợ thay. Phần tài sản mà bà được hưởng của mẹ (bà D) để lại thì bà đồng ý trả cho bà O, ông T.

*4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các ông Nguyễn Xuân C, Nguyễn Xuân C1 đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa; không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

*5. Ý kiến của Kiểm sát viên:*

*5.1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, tổng đạt văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, trình tự thủ tục phiên tòa; nguyên đơn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T, bà H chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các ông C, C1 không chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự.

*5.2. Về giải quyết nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà O, buộc các ông, bà K, C, C1, H có nghĩa vụ trả cho bà O số tiền 170.000.000 đồng; các ông, bà K, C, C1, H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà O.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về tố tụng:

[1.1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng C2 vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Tòa án đã triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn ông Nguyễn Văn K, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các ông Nguyễn Xuân C, Nguyễn Xuân C1 vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự nêu trên.

[1.2] Về xác định quan hệ pháp luật: Theo Thông báo về việc thụ lý vụ án số 198/TB-TLVA ngày 21-8-2023, Tòa án đã xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Tuy nhiên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị O có yêu cầu những người thừa kế của bà Phạm Thị D thực hiện nghĩa vụ trả nợ do bà Phạm Thị D để lại, do đó, Hội đồng xét xử

xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại*”.

[2] Về nội dung:

[2.1] Các ông Nguyễn Văn K, Nguyễn Xuân C, Nguyễn Xuân C1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các văn bản tố tụng khác của Tòa án nhưng trong thời hạn luật định không có văn bản trình bày ý kiến phản đối những tình tiết, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến Tòa án để làm việc, hòa giải, xét xử. Căn cứ vào khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị O:

[2.2.1] Căn cứ vào giấy vay mượn và các tài liệu, chứng cứ do bà O cung cấp thể hiện bà O có cho bà Phạm Thị D (chết năm 2022), ông Nguyễn Văn K vay 04 lần với số tiền 170.000.000 đồng vào ngày 04-10-2019, 12-10-2019, 16-10-2019, 16-11-2019; 03 lần vay trước bà D là người viết giấy, lần vay cuối 16-11-2019 bà D viết giấy, ông K có ghi “Nguyễn Văn K cùng vợ tôi mượn của cháu T1 một trăm bảy mươi triệu đồng” và ký tên.

[2.2.2] Theo giấy vay mượn thì bà O và bà D, ông K không có thỏa thuận về thời hạn trả nợ. Bà O đã gửi văn bản yêu cầu trả nợ cho ông K vào ngày 03-6-2023, yêu cầu ông K trả nợ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản nhưng ông K không trả nợ cho bà O; ông K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không phản đối yêu cầu khởi kiện của bà O; Bà D, ông K cùng vay 170.000.000 đồng, nên ông K phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ phân chia được theo phần, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 290, 466 của Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà O, buộc ông K trả cho bà O  $\frac{1}{2}$  số tiền nợ gốc là 85.000.000 đồng.

[2.2.3] Theo Biên bản làm việc với Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi ngày 22-7-2024 và tài liệu do UBND xã T cung cấp thì thửa đất số 631, tờ bản đồ số 16, xã T được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp cho hộ ông Nguyễn Văn K ngày 23-9-2020 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 093754, số vào sổ CS04901.

[2.2.4] Bà O trình bày rằng bà D chết năm 2022, bà C2 (con gái của bà D) thừa nhận; phần nghĩa vụ trả nợ của bà D là 85.000.000 đồng; những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà D gồm ông K, các ông, bà C, C1, H. Theo quy định tại Điều 615 của Bộ luật Dân sự thì những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Như vậy ông K, bà O

có tài sản; bà O chết nên tài sản sẽ trở thành di sản, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 288, 615 của Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà O, buộc các ông, bà K, C, C1, C2 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà O số tiền 85.000.000 đồng (mỗi người trả 21.250.000 đồng) trong phạm vi di sản do bà D để lại.

[2.3] Về án phí: Ông K là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự sơ thẩm, nhưng quá trình giải quyết vụ án không đến Tòa án làm việc, không có đơn đề nghị miễn án phí, do đó Hội đồng xét xử buộc ông K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 85.000.000 đồng mà ông K có nghĩa vụ trả cho bà O (cách tính: 85.000.000 đồng x 5%).

Nếu bà D còn sống là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự sơ thẩm; các ông, bà K, C, C1, H phải chịu nghĩa vụ trả nợ thay bà D nhưng trong quá trình giải quyết vụ án không đến Tòa án làm việc, không có đơn đề nghị miễn án phí nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 85.000.000 đồng mà các ông, bà K, C, C1, H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà O; hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà O (theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội).

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 91, 144, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 288, 290, 357, 463, 466, 468, 469, 615 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị O về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại*”.

2. Buộc ông Nguyễn Văn K có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị O số tiền 85.000.000 đồng (*tám mươi lăm triệu đồng*).

3. Buộc các ông, bà Nguyễn Văn K, Nguyễn Xuân C, Nguyễn Xuân C1, Nguyễn Thị Hồng C2 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Võ Thị O số tiền 85.000.000 đồng (*tám mươi lăm triệu đồng*) (mỗi người trả 21.250.000 đồng (*hai mươi một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng*)) trong phạm vi di sản do bà Phạm Thị D để lại.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải



thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

5. Ông Nguyễn Văn K phải chịu 4.250.000 đồng (*bốn triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Các ông, bà Nguyễn Văn K, Nguyễn Xuân C, Nguyễn Xuân C1, Nguyễn Thị Hồng C2 phải chịu 4.250.000 đồng (*bốn triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm (mỗi người phải chịu 1.062.500 đồng (*một triệu, không trăm sáu mươi hai nghìn, năm trăm đồng*)).

Hoàn trả cho bà Võ Thị O số tiền 4.250.000 đồng (*bốn triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng*) tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0006290 ngày 16-8-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Nguyên đơn có mặt tại phiên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng, Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CCTHADS TP Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Hồng Ánh**